

# Tiếng chuông Thiên Mục hay tiếng chuông Trấn Vũ

BS Trần tiến Sum

## Lời giới thiệu của BS Lê bá Vận:

Trước 1954 ra học Hà nội tôi ở tại Học xá Trung Việt, cạnh Hồ Tây, đường Quan Thánh, gần đền Quan Thánh (Trấn Vũ). Rồi đến ra trường về lại Huế sống và làm việc. Tôi đã nghe tiếng chuông Trấn Vũ và Thiên Mục cả hai nơi. Tiếng chuông chùa ngân nga chậm rãi thoát tục hòa lẫn tiếng gà rộ rã đưa nhau gáy sáng đi vào sinh hoạt, văn hóa nhân dân Việt nam từ ngàn xưa, nơi thôn dã cũng như thị tứ. Nay sống xa quê hương, dịp Tết sắp đến, đọc bài viết của anh BS Trần tiến Sum về 'Tiếng chuông Thiên Mục hay tiếng chuông Trấn Vũ' tôi bồi hồi nhớ lại chuyện xưa cảnh cũ, ở Hà nội, Huế; chốn quê hương là đẹp thật, tình cảm thật. Xin cảm ơn anh Sum đã biên khảo công phu và trình bày hấp dẫn đề tài này mà tôi xem là một món quà Tết đầy ý nghĩa cho tất cả chúng ta sống ở hải ngoại.

Jan 2010 – BS Lê bá Vận.

Gần đây một số nhà khảo cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến câu ca dao nổi tiếng về thắng cảnh ở Huế nhưng lại nêu nghi vấn liên quan đến các địa danh ở Hà nội :

*Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mục (Trấn Vũ?) canh gà Thọ Xương (Thọ Khương?)*

Những câu hỏi được đưa ra là địa danh nào xuất hiện trước trong câu ca dao trên ? có đúng với câu thơ xuất xứ không? Lịch sử có liên quan gì giữa các địa danh của Huế-Sông Hương và Hà nội-Hồ Tây ? Tâm sự của cụ Dương Khuê với câu hò này như thế nào? Nhà văn Phạm Quỳnh có liên quan gì không? Tiếng chuông chùa và tiếng gà gáy điểm canh lúc nào? Bài viết này cố gắng góp lời giải đáp cho những câu hỏi trên.



## Tiếng chuông chùa Thiên Mục

**Chùa Thiên Mục** được bắt đầu từ huyền thoại về một bà tiên áo đỏ mách chỗ xây kinh đô cho chúa Nguyễn Hoàng, tọa lạc trên một ngọn đồi xã Hà Khê (cũ), nay là xã Hương Long, thành phố Huế mặt nhìn xuống dòng sông Hương. Sách **Ô Châu Cận Lục** của Dương Văn An viết năm 1553 đã mô tả về ngôi chùa hay am nhỏ thờ sơ Thiên Mỗ hay Thiên Mộ: “Chùa nằm phía Nam xã Hà Khê huyện Hương Trà, ở trên đồi núi, dưới giáp dòng sông, cảnh đẹp vượt hẳn ba nghìn thế giới, gần gang tấc với thiên trì. Khách tản bộ đặng lâm bồng chốc phát lòng lành, tiêu tan tục lụy...” Miền Hà Khê cũng đã được nhắc đến trong tác phẩm Lục vân Tiên của cụ Nguyễn đình Chiểu viết năm 1848.

Tương truyền, năm Tân Sửu (1601), chúa Nguyễn Hoàng, sau khi được bà tiên mách trong giấc mộng, nhân buổi dạo chơi phong thủy, thấy vùng đồng bằng xã Hà Khê, có một ngọn đồi cao nổi lên như hình rồng quay đầu nhìn lại, phía trước trông ra sông dài, phía sau có hồ lớn, cảnh trí rất đẹp, chúa Nguyễn Hoàng cho rằng đất này có khí thiêng mới lập chùa lớn hơn gọi tên là chùa Thiên Mục. Các chúa và vua triều Nguyễn trùng tu nhiều

lần để chùa có được kiến trúc bề thế như hôm nay. Đến đời vua Tự Đức, chùa được đổi tên là chùa **Linh Mục** năm 1862. Vua Tự Đức bị bệnh “vô tự”, có vợ và hàng chục cung tần mỹ nữ mà không có con. Để cầu cho có người nối dõi tông đường, vua cũng tin nhảm, sợ nói tới chữ “Thiên” phạm đến “Ông Trời” nên đổi tên “Thiên Mục” thành “Linh Mục”, có nghĩa “Bà mẹ Linh thiêng” mà cầu tự. Tuy nhiên, vấn đề kiên nhảm chỉ tồn tại một thời gian ngắn, sau đó người Huế vẫn quen dùng cả hai tên: chùa Thiên Mục và chùa Linh Mục. Bức hoành phi mạ vàng gắn ba chữ Hán "Linh Mục tự" của vua Tự Đức vẫn còn treo tại cổng tam quan chùa.

Chùa Thiên Mục hiện có hai đại hồng chung. Một quả chuông được đúc vào năm **1710** đặt trong một ngôi nhà bát giác phía bên phải tháp Phước Duyên (nhìn từ trong ra). Trên chuông có khắc bài minh của chúa Nguyễn Phúc Chu “*chú nguyện mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an*”. Chuông này hiện nay chỉ được đặt như một pháp khí của chùa mà không đánh. Còn chiếc chuông đang làm nhiệm vụ giữ nhịp thời gian của “tiếng chuông Thiên Mục” hiện nay được đúc vào năm **1815**, đặt trên lầu chuông bên trái cổng Tam Quan, để đi vào điện Đại Hùng. Vua Thiệu Trị đã cho xây tháp Phước Duyên cao bảy tầng và dựng bia đá khắc bài “*Thiên Mục chung thanh*” có đoạn ngộ lý duyên khởi của Phật giáo:

**Đệ thập tứ cảnh –**

**Thiên Mục chung thanh**

Cao cương cổ sát trần điền xuyên  
 Nguyệt tướng thường viên tự tại thiên  
**Bách bát hồng thanh tiêu bách kết**  
**Tam thiên thế giới tinh tam duyên**  
 Tăng hoằng ngộ nhật u minh cảm  
 Liêu lượng dân tiêu đạo vị huyền  
 Phật tích Thánh công thù hải vũ  
 Thiện nhân tăng quả phổ cai diên.

**Cảnh đẹp thứ mười bốn –**

**Tiếng chuông chùa Thiên Mục**

(Người dịch: Thiên Nhất Phương)

Trên bến gò xưa chùa lập ra  
 Bên trời tự tại mãi Gương Nga  
**Tiếng ngân trăm tám tan trăm oán**  
**Thế giới ba ngàn giải nợ ba**  
 Chuông động giữa trưa miền tối ám  
 Kinh gieo canh sớm đạo tăng gia  
 Truyền công Phật Thánh trần non nước  
 Nhân quả uơm lành khắp chốn xa.



Từ xưa đến nay, chuông chùa vẫn được vang lên mỗi ngày hai *thời* (hai lần), vào lúc 19 giờ 30 và 3 giờ 30 sáng. Mỗi lần đánh trong thời gian một tiếng đồng hồ (60 phút) bằng 108 tiếng chuông để xóa đi 108 nỗi phiền muộn trong thế gian. Theo giáo lý nhà Phật, chúng sinh trong *tam giới* (dục, sắc và vô sắc giới) đều có chung *bát khổ* (sinh, lão, bệnh, tử, ngũ ấm xí thạnh khổ, oán tằn hội, ái biệt ly khổ và cầu bất đắc khổ). Từ căn bản của 8 điều khổ sẽ dẫn đến 108 nỗi phiền não được chia nhỏ theo trạng thái tâm lý và tình cảm. Trong mỗi tiếng chuông của người thiền giả đều mang theo tâm nguyện từ bi gửi gắm đến chúng sinh giải tỏa muộn phiền đau khổ.

Tiếng chuông Thiên Mục ngoài âm sắc của tiếng đồng được chế tác bằng một kỹ thuật đúc truyền thống hoàn hảo của Phường Đúc-Huế, nó được vang xa nhờ vào vị trí đặt chuông trên đồi cao, lại có dòng sông Hương trải dài như một chất dẫn truyền tự nhiên. Nhưng trên tất cả những yếu tố ấy còn có ẩn chứa một âm sắc vi diệu khó diễn đạt từ chính công phu thiền định và hạnh nguyện từ bi được chuyển tải trong mỗi tiếng chuông của người hành đạo đánh mỗi tiếng chuông. Cái khó của việc công phu đánh chuông Thiên Mục là không phải bất kỳ ai cũng làm được. Tiếng chuông sẽ tùy hạnh nguyện đánh chuông của thiền tăng mà âm sắc vang vọng thanh thoát và nhịp điệu của tiếng chuông sẽ khác hẳn nhau. Tương truyền cố Hòa Thượng Đôn Hậu thường thỉnh chuông sáng, người nghe tuy ở xa nhưng vẫn nhận ra.

Ngày nay, trước hàng vạn tạp âm của nhịp sống đô thị, tiếng chuông Thiên Mục hằng đêm vẫn giữ nhịp thời gian, gửi vào trần thế âm thiên vi diệu. Sống trong cuộc thế lấm bõn chen, có được một phút lắng yên để sống thật với chính mình hay tỉnh thức mỗi khi nghe tiếng chuông thanh thoát vang vọng ngân dài từ không gian trầm lắng thì thật là hiếm quý, như hai câu thơ nổi tiếng của cố Thượng Tọa Mật Thể đã thể hiện: (*Trăng chùa Linh Mục*)

### **Tiếng chuông ngân vọng trong đêm vắng, Thử hỏi hôn ai đã tỉnh chưa ?**

Chùa Thiên Mục từ lâu đã đi vào tâm tư tình cảm với nỗi nhớ nhung trong lòng người xứ Huế. Tiếng chuông chùa đã hơn 300 năm qua vẫn đều đặn giữ nhịp thời gian. Mỗi ngày hai buổi từ bao đời đã gieo vào lòng người một nỗi niềm tha thiết, mến thương, cảm kích trước vẻ đẹp thiên nhiên, trước công trình đời xưa để lại với ngọn tháp hùng vĩ đứng soi mình trên dòng Hương giang êm đềm duyên dáng. Nơi đây, từ ba thế kỷ nay, sớm chiều tiếng chuông chùa ngân vang vọng ngào ngạt tỏa ra toàn xứ Huế giữa thanh không vắng lặng, âm thanh ngân nga siêu thoát đã hấp dẫn và say đắm biết bao lòng người. Bên dòng Hương lững lờ thơ mộng, tiếng chuông cứ ngân dài lan tỏa trong không gian. Không gian càng rộng, càng yên tĩnh, tiếng chuông nghe càng sâu lắng. Chỉ một tiếng chuông nhưng đã động bao buồn vui, khắc khoải của một đời người. Nương theo tiếng chuông này, âm thanh mỗi mùa mỗi khác. Mùa xuân tiếng chuông nghe trong vắt tươi vui. Kể từ tiết lập hạ, tiếng chuông nghe thanh thoi thoáng mát như là bao dung của trời đất. Vào giác thu, trời Huế tím, tiếng chuông đi qua cây lá nghe nhẹ nhàng mơ hồ như một hơi thở. Tiết lập đông Huế rét mướt, tiếng chuông nghe như buồn bã, chậm rãi hơn bao giờ hết.



Câu ca dao xưa, có lẽ từ ngày có đại hồng chung, tả cảnh đẹp thơ mộng xứ Huế và nỗi lòng ai đó nhân một đêm trăng dạo chơi bằng thuyền trên sông Hương. Ngày xưa cũng như hiện nay, hình ảnh chiếc thuyền êm đềm trôi trên dòng sông Hương thật đẹp và thơ mộng, nhất là đoạn sông trước chùa Thiên Mục, đối diện Thiên Mục là làng Long Thọ bên kia sông lúc nửa đêm về sáng, tai nghe tiếng chuông chùa Thiên Mục và đồng thời nghe tiếng gà gáy từ vùng Thọ Xương của cố đô Huế. Qua các sử liệu, rõ ràng ở Huế có một địa danh, qua các thời kỳ mang bốn tên khác nhau: **Thọ Khương, Thọ Xương và Thọ Cương hay Long Thọ.**

Trước hết, **Thọ Khương (hay Thọ Khang)** là một vùng đồi, sát cạnh bờ Nam sông Hương, đối diện đồi Hà Khê bên kia sông. Từ đồi Thọ Khương, có thể nhìn được toàn cảnh xứ Huế từ núi Kim Phụng đến phá Tam Giang, từ Văn Thánh – Võ Thánh đến bến chợ Dinh, Cồn Hến. Ngày xưa Thọ Khương là một thành lũy của Chăm-pa vào thế kỷ V – VI, xây dựng trên vùng đồi của hai làng Nguyệt Biều và Dương Xuân : Lũy Nam 550m, Lũy Đông 370m, Lũy Bắc sát giới hạn xâm thực của sông Hương 750m với đầy đủ hệ thống hào, hệ thống thoát nước, giếng cổ Chăm-pa, bia đình Thọ Khương, kho Thọ Khương, miếu kho, Vạn Thọ Khương, miếu thờ vua Chăm-pa và công chúa Huyền Trân. Dưới rừng thông Thọ Khương là kho Thọ Khương – Kho thóc

tại Thuận Hóa thời tiền Nguyễn. Tương truyền trước kia trên gò có các cung phủ từng rước *từ cung* (quan tài) các vua nhà Hậu Lê Anh Tông, Thế Tông, Huyền Tông, và Túc Tông để tạm ở đấy.

Năm 1770, Lê Quý Đôn viết về Phủ Chúa Nguyễn ở Thuận Hóa đã cho ta biết : “*Xương thuyền, kho lúa thì ở các xã Hà Khê, Thọ Khương, trên thượng lưu*”. Thọ Khương còn là một thắng cảnh ở Huế khi Lê Quý Đôn viết : “*Những lúc rồi việc, xúc tay áo ngao du về xã Hà Khê, Thọ Khương*”. Bao nhiêu năm thăng trầm thời cuộc tiếng gà canh khuya hay tiếng gà báo sáng đều đặn đi vào không gian trầm lắng của khúc thượng lưu sông Hương với nhiều nhà vườn xanh. Theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quan triều Nguyễn, hồi trước được gọi Thọ Khương Thượng Khố nơi có cung điện mùa hè của các chúa Nguyễn. Đến đời Gia Long, vì kỵ húy để hiệu vua cha là Hiếu Khương Hoàng Đế, Gia Long mới đổi Thọ Khương thành **Thọ Xương** và năm 1824 Minh Mạng mới đổi Thọ Xương là **Long Thọ**, dựng đình bát giác ở trên gò gọi là đình Long Thọ Cương mà dân địa phương lại hay dùng **Thọ Cương**, nhất là danh tự Long Thọ như bây giờ. Long Thọ hiện nay chia làm hai vùng : phía Đông nhập vào Phường Đúc, xã Dương Xuân với nhà thờ Phường Đúc và Công Ty Khai Thác Đá là trung tâm. Phía tây nhập vào làng Nguyệt Biều với nhà máy Xi Măng Long Thọ là trung tâm với các *di tích Hồ Quyền*, Long châu Điện (Điện Voi Ré), thành cổ Chiêm Thành, chợ Long Thọ và một số địa danh Champa còn sót lại : Trạng Ụ, Vịnh, Dạ Gà.



**Vậy Thọ Khương, Thọ Xương, Thọ Cương và Long Thọ đều là một** và đã tồn tại bên bờ sông Hương từ xa xưa, với những hàng tre trúc soi bóng nước, đối diện bên kia là chùa Thiên Mụ, cảnh đẹp làm rung động lòng du khách, thi nhân. Theo cụ Hương Giang Thái văn Kiềm câu ca dao “Tiếng chuông Thiên Mụ” là một lời ca hồn nhiên hiền hòa của một lái đò ẻo lả trên dòng sông Hương có thể xuất hiện từ thời kỳ lập chùa hồi đầu thế kỷ 17 mang âm điệu của một câu hò của dân gian với thổ ngữ Thiên Mụ từ 1601-1862 và Thọ Xương thì chỉ thông dụng trong khoảng hai thập niên 1802-1820 mà thôi và lần lần ít người biết đến danh từ này nữa. Hiện tại những danh từ chùa Thiên Mụ hay Linh Mụ và Long Thọ thông dụng hơn trong dân chúng Huế. Một trích đoạn trong hai bài thơ của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm sau đây là một minh chứng (1836) :

#### Dạ bạc Nguyệt Biều

*Trúc âm lương xứ dạ đình thuyền  
Thủy nguyệt giang phong vị nhĩn miên  
Cách ngạn chung lâu Thiên Mụ tự  
Thanh thanh xao phá viễn đình yên*

#### Long Thọ Cương

*Long Thọ Cương đông tứ sở chi  
Tiêu ca tiêu yết, dạ chung trì  
Vạn tùng thiên lí, thiên sơn nguyệt  
Ký thủ u nhân độc lập thi.*

#### Ban đêm ghé bến Nguyệt Biều

“Đêm đậu thuyền trong bóng trúc thanh  
“Trăng sông gió bến ngủ không đành  
“Bờ bên vắng tiếng chuông Thiên Mụ  
“Tùng tiếng khuya tàn vắng khói xanh”  
(Ngô Linh Ngọc dịch)

#### Đôi Long Thọ

“Long Thọ chòm đông, chiều thoáng lặng  
“Ca tiêu dứt đợi tiếng chuông rơi  
“Gió muôn thông biếc, trăng nghìn núi,  
“Ghi lúc riêng mình khách ân chơi”  
(Ngô Xuân Phú dịch)



## Tiếng chuông quán Trấn Vũ

Nhưng câu ca dao xứ Huế với “tiếng chuông Thiên Mục” từ lúc nào đã trở thành câu thơ miêu tả phong cảnh Hà Nội với “tiếng chuông Trấn Vũ” qua phong thái âm điệu nhẹ nhàng đi vào tâm tư người dân Thăng Long-Bắc Thành-Hà Nội mà cố quên đi xuất xứ ?

Một trong những bài thơ bốn câu lục bát, niêm luật rất nghiêm chỉnh được ưu chuộng nhất của cụ Dương Khuê là bài ca tụng bốn cảnh nên thơ của chốn nghìn năm văn vật:

### *Hà Nội Tứ Cảnh*

*Phát phơ ngọn trúc trắng tà,  
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.  
Mịt mù khói toả ngàn sương,  
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Lâu nay, hầu hết mọi người đều đinh ninh rằng đây là một bài ca dao do dân chúng ở kinh thành Thăng Long - Hà Nội sáng tác và truyền khẩu từ xưa. **Bài lục bát ấy đã được đưa vào các công trình sưu tập "văn chương bình dân" với nhiều dị bản hoặc sách giáo khoa trung đại học Việt nam hiện tại.** Quả thật, nhiều người ngạc nhiên khi biết bài lục bát đang xét vốn là một áng thơ của một nhân vật tên tuổi: cụ **Dương Khuê (1839 - 1902)**. Theo *Văn Đàn Bảo Giám* do Văn Học Tùng Thư ấn hành và Phan Phong Linh trong cuốn *Việt Nam Phong Cảnh Qua Thi Ca* thì bài thơ trên đây quả là của Dương Khuê. Dựa vào *Dương gia phả ký* của giòng họ, tham khảo thêm *Luận đề về Dương Khuê* của Nguyễn Duy Diễm (Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1960), tiến sĩ Dương Thiệu Tống đã chép lại nguyên văn bài thơ *Hà Nội tứ cảnh* trong thiên khảo luận *Tâm trạng Dương Khuê và Dương Lâm* (Nxb Văn Học, Hà Nội, 1995) kèm nhận xét về câu lục mở đầu: "*Có người đã sửa đổi câu đầu bài thơ này là "Gió đưa cành trúc la đà", nhưng có lẽ là sai vì làm mất đi ý nghĩa ẩn dụ của toàn câu mà chỉ còn ý nghĩa tả cảnh mà thôi*".

Dương Khuê, danh sĩ đời Tự Đức, hiệu Vân Trì sở trường là sáng tác ca trù. Tục gọi ông Nghè Vân Đình vì ông quê ở làng Vân Đình, huyện Sơn Lãng, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay là TP. Hà Nội). Ông văn hay chữ tốt, đỗ cử nhân 1859 lúc ngoài 20 tuổi. Vào kinh thi Hội bị hỏng khoa đầu, nhân được Tùng Thiện Vương mời về nhà dạy con cháu học, ông nán ở lại chờ khoa sau. Năm Mậu thìn 1868 ông đỗ tiến sĩ lúc 29 tuổi kỳ thi Hội ở kinh đô Huế. Năm đó quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và Pháp ngày càng khó khăn: sáu tỉnh Nam Kỳ vừa bị mất và triều đình thì đang thụ động bối rối. Trong kỳ thi Đình năm đó 1868, vua Tự Đức ra đầu đề: *Chiến hay Hoà?* Trong bài văn dự thí, để nói lên nỗi đau thương của mình trước tình hình đất nước sau khi vua Tự Đức xuống chiếu nhận lấy trách nhiệm trong việc để mất Lục tỉnh Nam Kỳ, ông ghi dưới đầu đề như sau :

**Độc bệ hạ chi chiếu, nhi bất thống khóc giả, phi nhân thân dã.**

*“Độc chiếu của bệ hạ, không khóc lên đau đớn, không phải là nhân thân vậy”*

Sau khi đỗ Tiến sĩ, Dương Khuê được bổ làm tri phủ Bình Giang, Hải Dương rồi được thăng làm Bố chánh. Vào đầu thập niên **1870**, quan hệ giữa Việt Nam và Pháp càng ngày càng bất lợi cho phía Việt nam vì trong thế yếu bị động còn Pháp càng có nhiều yêu sách, đặc biệt là hoạt động bạo hành của **Jean Dupuis (Đồ phổ Nghĩa)** tùy tiện dùng sông Hồng của Việt Nam cho việc buôn bán vũ khí với Trung Hoa và **còn ngang ngược bắt giữ phi pháp quan tri phủ Thọ Xương Đặng huy Xán (4-1873)**-(*Vũ ngữ Chiêu, Tập 1, tr 219, Các Vua cuối nhà Nguyễn*). Trước tình hình đó, dù chỉ là một quan nhỏ, **Dương Khuê dâng biểu lên vua Tự Đức bàn là phải quyết liệt với người Pháp, không nên nhượng bộ mãi.** Nhưng triều đình Huế lúc ấy đang chủ trương điều đình cho yên chuyện, hy vọng rằng Suý phủ Pháp ở Sài Gòn sẽ can thiệp để giải quyết biên cố Jean Dupuis. Vì vậy, sau khi xem sớ tâu của Dương Khuê, vua Tự Đức phê **“Bất thức thời vụ”** tức là **“Không biết gì về thời cuộc”**, rồi giáng chức Dương Khuê xuống Chánh sứ Sơn phòng, cho ông đi khai khẩn, trông nom ruộng hoang. Mấy năm sau, thăng An sát tỉnh Hải phòng, lại bị cách chức lần nữa trở ra Sơn Phòng như trước. Được vài tháng lại bổ làm Đốc học Nam Định, rồi thăng Bố chính 1879 khi nhà vua nhân lễ mừng tuổi thọ 50 đã được

nghe bài ca trù **Gặp cô đầu cũ** mà cảm nhận tâm sự của ông Dương nên tha tội :*(nghĩa câu 5+6= Thiếp tự rẻ rúng thân mình, chàng không nở bỏ rơi; bây tôi tuy tội dẫu nặng, vua vẫn còn thương)*

Hốt ức lục, thất niên tiền sự,  
Trải trắng hoa chưa trả nợ hương nguyên.  
Đến bây giờ lại gặp người quen,  
Nỗi lưu lạc sự ghét ghen là thế nhỉ.  
*Thiếp tự thân khinh, lang vì khí,*  
*Thần tuy tội trọng, đế do liên.*  
Can chi mà tủi phận, hờn duyên,  
Để son phấn đàn em thêm khúc khích.  
Ý trung nhân tự khả tình tương bạch,  
Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai.  
Trông nhau nói nói, cười cười.



Thơ văn truyền tụng của Dương Khuê hầu hết là những bài hát nói. Và nói đến hát nói, thì bài **Hồng Hồng Tuyết Tuyết** nổi tiếng hơn cả. Bài ca trù này đề cập đến một mối tình ngang trái giữa một khách làng chơi lớn tuổi với một cô đào trẻ:

**Hồng Hồng Tuyết Tuyết,**  
**Mới ngày nào chữa biết cái chi.**  
**Mười lăm năm thắm thoát có xa gì,**  
**Ngoảnh mặt lại đã tới kỳ tư liễu**  
**Ngã lãng du thời, quân thượng thiếu,**  
**Kim quân hứa giá, ngã thành ông.**  
**Cười cười, nói nói, then thùng,**  
**Mà bạch phát với hồng nhan chừng ái ngại.**  
**Riêng một thú Thanh sơn đi lại,**  
**Khéo ngậy ngậy, đại đại với tình**  
**Đàn ai? một tiếng dương tranh.**

Hai câu 5 và 6 được dịch là: *“Lúc ta chơi bời phóng túng thì người còn nhỏ,  
Bây giờ người đã đến tuổi lấy chồng thì ta đã thành ông”*

Dư luận thời ấy đã phê phán nặng Dương Khuê, một mặt, ở khía cạnh đạo đức: “già chơi trông bời”, mặt khác ở khía cạnh chính trị: trong lúc đất nước đang trong cảnh nước sôi lửa bỏng mà tìm thú hưởng lạc! Thế là từ đó thơ văn họ Dương bị cho ra rìa lịch sử văn học. Để giải nỗi oan văn tự này, Tiến sĩ Dương Thiệu Tóng, một hậu duệ của Dương Khuê đã đưa ra một cách luận giải khác. Theo GS Tóng, đọc những bài hát nói của Dương Khuê không nên hiểu theo nghĩa đen, mà phải hiểu theo nghĩa ẩn dụ. Mỗi bài của ông đều ẩn chứa một tâm sự. Nhà thơ đã ký thác tâm trạng của mình vào chuyện các cô đào, không chỉ vì *tài tử với giai nhân nợ sẵn*, mà để dễ bề che mắt thế gian.

Phân tích những ẩn dụ hoặc ám chỉ, Dương Thiệu Tóng cho rằng Muỗi 1 của bài **Hồng Hồng Tuyết Tuyết** là lời tâm sự hờn trách của Dương Khuê với vua Tự Đức trước tình hình đất nước bấy giờ. “**Tuyết**” ở đây không phải là một cô đào nào đó mà là chính **Dương Khuê** và các nhà nho trung trinh trong trắng không đem thân làm tôi tớ cho ngoại bang. “**Ông**” chính là **vua Tự Đức**.

Bởi vậy:

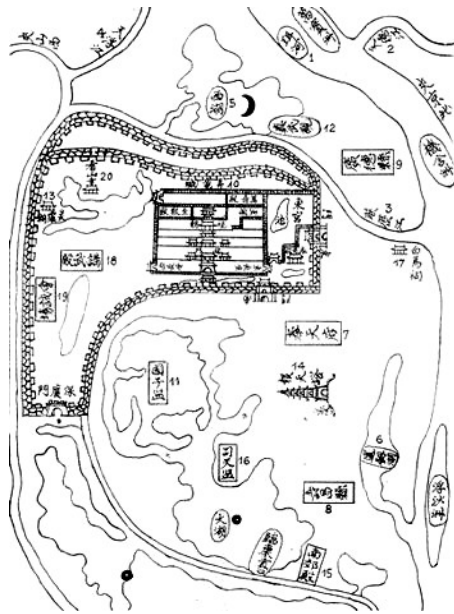
*Ngày xưa Tuyết muốn lấy ông,  
Ông chê Tuyết bé, Tuyết không biết gì  
Bây giờ Tuyết đã đến thì,  
Ông muốn lấy Tuyết, Tuyết chê ông già.*

Có thể hiểu là: “Ngày xưa, thuở còn trong trắng, tôi cũng muốn ra giúp ông, nhưng ông chê tôi “bất thức thời vụ”.Bây giờ tôi đã khôn ngoan, hiểu biết rồi, ông muốn dùng tôi thì tôi lại chê ông quá già nua, nhu nhược”. Mặt khác, GS Tống chứng minh thêm bằng nhiều tình tiết nữa: như chữ “**quân**” ở câu *Ngã lãng du thời quân thượng thiếu / Kim quân hứa giá ngã thành* ông không thể dịch bằng đại từ nhân xưng ngôi thứ hai (ngươi, nàng, em), mà là *vua*, ngôi thứ ba. Chữ “*mười lăm năm*” tương ứng với cuộc đời làm quan của Dương Khuê, từ khi thi đỗ (1868) đến Hòa ước đô hộ Giáp Thân (1884), là thời gian mà tác giả từ chỗ kỳ vọng về Tự Đức đến chỗ thất vọng về nhà vua. Cũng như vậy, hai chữ “*Thanh sơn*” không thể hiểu là “làng ca trù”, mà là ám chỉ triều đình hay những nhà lãnh đạo đất nước bấy giờ, như trong các câu *Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc* (Phổng Đá - Nguyễn Khuyến) hay *Thanh sơn hựu hoán bạch đầu lai* (Du Hương Sơn tự - Dương Lâm). Và “*đàn ai*”, “*duong tranh*” không phải là một loại đàn mà là tiếng đàn đánh lên kêu gọi hối thúc phong trào tranh đấu chống Pháp vì lúc này, 1883-1884 các Công Sứ và viên chức Pháp đã bắt đầu được bổ nhiệm đến các tỉnh, quận Bắc Kỳ để kiểm soát các quan Nam triều.

Các nhà thơ Việt Nam vốn có truyền thống làm thơ ký thác tâm sự, *thi dĩ ngôn chí*, nhất là trong những thời đại có nhiều những biến động, những đảo lộn về giá trị. Thời Nguyễn Khuyến và Dương Khuê là một thời đại như vậy. Khi nhà Nguyễn đầu hàng Pháp, ứng xử của các nhà nho rất khác nhau. Có người hợp tác với Pháp như là một sự đầu hàng cái tất yếu mất nước nhằm tránh cho dân đỡ khổ như Tôn Thọ Tường. Họ công khai biện minh cho thái độ của mình. Có người kiên quyết bất hợp tác như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị. Có người quay về ở ẩn như Nguyễn Khuyến. Có người vẫn ra làm quan nhưng là làm quan với Nam Triều chứ không phải làm quan cho Pháp, như Dương Khuê, Dương Lâm, Chu Mạnh Trinh.

Tâm sự của những lớp sĩ phu này rất khác nhau, nhiều uẩn khúc. Bởi vậy, thơ văn của họ có rất nhiều *hình tượng - ẩn dụ* để thể hiện những tâm sự này. Nguyễn Khuyến thể hiện thái độ bất hợp tác của mình qua các hình tượng phổng đá, mẹ Mốc, ông say, ông già điếc, ông loà, kẻ sơ cuồng. Dương Khuê qua hình ảnh các cô đào. Đồng thời, ngôn ngữ thi ca giai đoạn này cũng hình thành một loạt những từ ngữ tượng hình mang ý nghĩa biểu trưng như *trăng, nguyệt, núi, đá, tuyết...* Một trong những bài thơ có lẽ được sáng tác vào thập niên 1870 đời Tự Đức hàm ý nghĩa bóng được ưu chuộng nhất của Dương Khuê là bài “**Hà Nội Tức Cảnh**” này.

Ở Hà Nội, địa hạt của huyện Thọ Xương xưa thuộc nội thành gọi là Vĩnh Xương, nay tương đương hai quận Hoàn Kiếm và Hai Bà Trưng, gần **hồ Gươm** hiện nay. Năm 1802 vua Gia Long đổi tên thành Thăng Long là Bắc thành. Năm **1805 lại đổi huyện Vĩnh Xương thành Thọ Xương**. Khu vực quanh hồ Gươm lúc đó hoang tàn. Năm 1808, nhà Nguyễn đã cho lập xưởng đúc tiền ở đất thôn Tràng Tiền nên có tên gọi là Tràng Tiền (hay Trường Tiền). Tràng Tiền thuộc đất làng Cựu Lâu huyện Thọ Xương. (Xưởng đúc tiền từ đầu thế kỷ XIX nay đã trở thành Trung tâm Thương mại Tràng Tiền). Năm 1831 vua Minh Mạng chia thành Hà Nội ra làm 4 phủ mà huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận trực thuộc phủ Hoài Đức. Trước 1888, toàn bộ khu nhà thờ và phố Nhà Chung hiện nay thuộc thôn Báo Thiên Tự (chùa Báo Thiên), huyện Thọ Xương (cũ). Đó là vùng trung tâm của nội thành Hà nội bao gồm quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Ba Đình và một phần nhỏ quận Đống Đa-Tây Hồ. Đây là khu buôn bán tập trung nhất của Thăng long-Hà Nội xưa nay với cảnh quan thiên nhiên nhiều hồ ao. Bây giờ huyện Thọ Xương chỉ còn là một phố nhỏ với đường Thọ Xương (nối đường Phủ Doãn và Lý quốc Sư quận Hoàn Kiếm) có di tích Văn Chỉ Thọ Xương mà thôi. (<http://maps.google.com>)



Bản đồ thành Thăng Long

(Ha Noi des origines au 19e siècle - Hà Nội từ khởi thủy đến thế kỷ 19. Etudes Vietnamiennes. No 48 - 1977).  
 Bảng phiên âm các tên trong bản đồ: 1. Nhị Hà; 2. Thiên Đức giang; 3. Tô Lịch giang; (*Sông Tô Lịch ngày nay không còn thông với sông Hồng nữa, bắt đầu từ cầu Giấy, chảy cùng hướng với đường Láng và đường Kim Giang về phía Nam tới sông Nhuệ, đoạn sông còn lại đã bị lấp chỉ là một dòng thoát nước thải của thành phố*). 4. Thiên Phù giang; 5. Tây Hồ; 6. Hoàn Kiếm hồ; 7. Phụng Thiên phủ; 8. Thọ Xương huyện; 9. Quảng Đức huyện; 10. Thăng Long thành (Đoan môn, Long Khánh điện, Thị Triều điện, Kiền Nguyên điện, Thúy Hoa điện, Nùng Sơn); 11. Quốc Tử giám; 12. Trấn Vũ quán; 13. Linh Lang tự; 14. Báo Thiên tháp; 15. Nam Giao điện; 16. Từ Thiên giám; 17. Bạch Mã từ; 18. Giảng Vũ điện; 19. Hội thí trường; 20. Khán Sơn đài.



Còn lại 3 địa danh kia trong bài *Hà Nội tức cảnh* là thuộc vùng **Hồ Tây**. Hồ Tây còn có tên hồ Lãng Bạc, Mù Sương (Dâm Đàm), hồ Trâu Vàng (Kim Ngưu hồ), Đàm Xác Cáo, và Tây Hồ, là một hồ lớn nhất ở nội thành Hà Nội. Hồ nằm ở phía tây bắc Hà Nội. Hai hồ Trúc Bạch – Hồ Tây được chia bằng đường Cổ Ngư (hay đường Thanh Niên bây giờ) từ 1620. Hồ có thời gian thông với sông Hồng. Hồ Tây từ xưa đã là thắng cảnh nổi tiếng nên các nho sĩ thời đó hay ví Hồ Tây ở Hà Nội với Tây Hồ rất nổi tiếng thuộc tỉnh Hàng Châu của Trung Hoa.

Từ thời Lý-Trần, các vua chúa đã lập quanh hồ nhiều cung điện làm nơi nghỉ mát, giải trí như cung Thúy Hoa đời nhà Lý, tức điện Hàm Nguyên đời nhà Trần nay là khu chùa Trấn Quốc; cung Từ Hoa đời nhà Lý nay là khu chùa Kim Liên; điện Thụy Chương đời nhà Lê nay là khu Trường Chu Văn An. Xung quanh hồ cũng có nhiều di tích văn hoá, lịch sử như làng Nhật Tân với nghề trồng quýt, cảnh đảo nổi tiếng, làng Xuân Đình có đền Sóc thờ Thánh Gióng, làng Kẻ Bưởi (An Thái) với đền Đồng Cổ (hiện nằm trên đường Thụy Khuê) nơi bách quan hội thề đời nhà Lý; làng Thụy Khuê với chùa bà Đanh, đền Quán Thánh và chùa Trấn Quốc.

**Quán Trấn Vũ**, tên khác là Chân Vũ và Quán Thánh, song mọi người quen gọi là **đền Quán Thánh**. Thời vua Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long, quán Trấn Vũ được khởi dựng từ năm Nhâm Ngọ 1102 trong hoàng thành. Đến năm Giáp Ngọ 1474, vua Lê Thánh Tông chuyển công trình này ra phía nam hồ Tây. Quán là chỗ thờ cúng của đạo Lão. Nơi này thờ Huyền Thiên Trấn Vũ Chân Quân, sau thờ thêm Từ Đồng Văn Xương Đế Quân. (Một thời, người Pháp nhầm khi ghi nơi này là *Pagode du Grand Bouddha* tức chùa Phật Lớn). Huyền Thiên Trấn Vũ, một vị thánh của đạo Giáo, để trấn giữ yêu quái ở phía bắc kinh thành. Đời Lê Hy Tông, cho đúc tượng Trấn Vũ bằng đồng đen cao 3,96m, nặng 4 tấn, năm 1681, rồi lại xây bệ đá cao 1.2 m đặt tượng lên năm 1694. Tượng Trấn Vũ cao lớn, mặc áo đạo sĩ đen, xõa tóc, không đội mũ, chân đất, tay trái giơ lên bắt quyết, tay phải chống kiếm xuống lưng một con rùa, có rắn lượn quanh kiếm. Theo truyền thống, rắn và rùa là hai con vật tượng trưng của thần trấn phương Bắc. Theo thuyết ngũ hành, phương bắc màu đen nên gọi là



“huyền” và sắc phục của thân đều là màu đen. Khi khoa cử mở rộng, đền còn thờ thêm Văn Xương để quân, vị sao tướng số chủ về văn học và sinh ra tục nhà nho thường đến lễ vào ngày 01 tháng 6 âm lịch, ngũ lại chùa xin thần ứng mộng cho biết khoa thi này thi cử ra sao!

Đền Quan Thánh có cổng tam quan uy nghi, đường bê được dựng trên những tảng đá lớn với gác chuông ở phía trên cùng. Phía trước có bốn cây cột lớn được đắp nổi bằng những hình nghệ, phượng và mặt hổ phù. Ở gác tam quan có treo một quả chuông cao gần 1,5m đúc cùng thời với tượng Trấn Vũ. Đền Quán Thánh còn nổi tiếng với vẻ đẹp của nghệ thuật chạm khắc gỗ. Trên các bộ phận kiến trúc bằng gỗ của ngôi đền các đề tài như tứ linh, doi, cá, tùng, trúc, cúc, mai, lẵng hoa, bầu rượu, thanh gươm, cảnh sinh hoạt của trần gian và thượng giới... đều được chạm khắc một cách tinh xảo, mang đậm phong cách nghệ thuật thời Lê. Ngoài việc có giá trị về mặt lịch sử và kiến trúc, đền Quán Thánh còn là nơi sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa nổi tiếng của người dân Hà Nội xưa và nay và tồn tại trong lòng người Hà Nội.

**Làng giấy Yên Thái hay An Thái** còn có tên là làng **Bưởi**. Trong sách "*Dư địa chí*" của Nguyễn Trãi viết vào năm 1435 đã nói đến nghề làm giấy từ vỏ cây của làng này cho nên có tiếng chày giã giấy trong đêm sương mờ. *Nhịp chày Yên Thái* có nghĩa người dân phải dùng cối chày để giã **vỏ cây dó** thành bột, đem nấu rồi mới đàn ra làm giấy. (Cây dó giấy tên khoa học: Rhamnoneuron balansae. Họ: Trâm Thymelaeaceae) Khi lấy chày tay giã vào cối đá lớn có tiếng phát ra vang cả vùng Yên Thái. Ngay từ hồi ấy, người thợ thủ công ở đây đã làm ra những loại giấy đặc biệt cho triều đình phong kiến như giấy thi (để viết chỉ thi), giấy lệnh (để ghi mệnh lệnh). Những sản phẩm chủ yếu của Yên Thái là giấy bản để in sách hoặc để viết chữ Hán/Nôm (bằng bút lông, mực tàu) và giấy dó (để in tranh dân gian).). Câu ca dao mô tả sự khó nhọc của người thợ làm giấy Yên Thái:



Giã xay rồi lại giã mai  
Đôi chân tê mỏi, dó ơi vì mày .

Hoàng Đạo Thúy trong sách *Thăng Long-Đông Đô-Hà Nội* (Hội Văn nghệ Hà Nội, 1969) từng giải bày ấn tượng: "Những buổi sớm tinh sương mùa đông, khách dạo sương đi trên đường Thanh Niên không thấy trời, không nhìn rõ mặt nước, trên đầu cành lá rũ nặng giọt, bên trái lung linh ánh trăng úa hạ huyền; lúc ấy lòng lâng lâng, không ngấm mà cũng như ngấm câu thơ cô: *Phát phơ ngọn trúc trắng tà...* Gà xóm bên hồ đã gáy, chuông hồi đã đổ dồn, đồng bào Bưởi đã dậy giã dó từ lâu. Mặt trời mới hé trên đê Yên Phụ mở ra một tấm gương phẳng lặng rắc phân hồng..." Rõ ràng bài viết được gợi ý từ bài thơ của Dương Khuê.

Hoàn cảnh thập niên 1870 khi Dương Khuê viết bài thơ **Hà Nội Tức Cảnh** này, *ngọn trúc* chỉ người quân tử đứng trước tình trạng nhiễu nhương thời vua Tự Đức (*trăng* ám chỉ ngôi cao như vua, triều đình; *tà* có nghĩa đang suy thoái) ngày càng "*mịt mù khói toả ngàn sương*". Tác giả Dương Khuê ước mơ bao giờ mới có "*tiếng chuông*" "*canh gà*" để vua quan và dân thức dậy từ giấc ngủ vùi trong tình huống nước nhà gặp cơn nguy biến? Có thể Dương Khuê muốn gián tiếp thức tỉnh vua, triều đình lúc bấy giờ khi cố ý dùng câu thứ hai của câu hò xứ Huế nhưng thay bằng địa danh Hà nội, Trấn Vũ và Thọ Xương. Thật vậy, Ông chỉ cần dùng một từ ngữ **chuông hay gáy** cũng đủ hàm ý muốn thức tỉnh lòng yêu nước.

Nếu dựa vào lịch sử thì lúc bấy giờ - 1870, lãnh thổ Việt nam thu hẹp chỉ còn Trung và Bắc kỳ mà thôi, còn Nam kỳ đã là thuộc địa Pháp. Nên **Tiếng chuông Trấn Vũ** phải đánh động người dân Bắc kỳ đứng lên chống Pháp cũng như Trung Hoa lúc này đang lâm lè chia phần đất phía cực Bắc Việt nam với các nhóm loạn Cờ đen, Cờ vàng, Hoàng Sùng Anh. **Tiếng gà Thọ Xương** để thức tỉnh vua quan triều đình Huế về tình hình sơn hà nguy biến và nhắc nhở cái nhục về quan tri phủ Thọ Xương Hà nội bị quân Pháp bắt giữ trái phép. Nhà thơ chỉ cầu mong sự đồng điệu hợp nhất giữa vua quan quân dân trong công cuộc chống ngoại xâm như **nhịp chày An Thái** để nước nhà được thái bình êm ả như **mặt gương Tây Hồ**. Đó là kỳ vọng của kẻ sĩ ra giúp nước.

Tâm sự u uẩn của Dương Khuê thay đổi theo những biến chuyển thời cuộc khi ra làm quan giúp vua trong hai thập niên 70 và 80 của thế kỷ 19. Lúc ra làm quan Nam triều sau khi đỗ tiến sĩ, với bài *Hà nội tức cảnh* Ông cầu mong sự tốt đẹp cho đất nước đang con nguy biến. Lần hồi Ông bày tỏ thái độ của một sĩ phu yêu nước qua số câu vua để phản đối chính sách hòa đàm nhượng đất của triều đình mà bị giáng chức, rồi được vua tha thứ và trọng dụng trở lại qua bài *Gặp cô đầu cũ*, nhưng cuối cùng ông chỉ gặp nỗi thất vọng của một kẻ sĩ, tôi trung vì nhà vua nhu nhược làm mất nước qua bài *Hồng Hồng Tuyết Tuyết* để phải chịu một oan ức trong văn học sử cận đại.

## Thời điểm của hai bài thơ

Trong bao nhiêu năm nay, nhiều người Việt Nam, quốc nội hay hải ngoại ở nhiều lãnh vực khác nhau đã đua nhau tranh cãi về xuất xứ của hai câu thơ đầu bài này. Dựa trên **lịch sử, thời gian và địa hình**, chúng tôi có thể lý giải nguồn gốc câu ca dao này như sau:

Địa danh Thọ Khương (hay Thọ Khang) đã có từ thời tiền Nguyễn. Hai địa danh Thọ Xương ở Huế và Hà nội đã được đặt tên cùng một thời gian 1802-1805, cùng một lần hay cách nhau vài năm vào những năm đầu của triều vua Gia Long, vì phạm húy cả hai (Hiếu Khương hoàng đế, đế hiệu của phụ thân vua Gia Long)? Tên Thọ Xương ở Huế thì chỉ thông dụng đến năm 1824 rồi ít người còn nhớ, cũng như Thọ Cương sau này. Thọ Xương của Hà Nội tồn tại đến hôm nay nhưng biến dạng từ quận huyện thành một con đường ngắn.

Thiên Mục xây năm 1601 với chuông đúc trên đồi cao năm 1710 và Trấn Vũ xây tại Hồ Tây vào năm 1474 với chuông đúc năm 1681 trên đồng bằng. Nhưng tiếng chuông Thiên Mục của ca dao Huế là tiếng chuông giải nghiệp trần thế và tiếng chuông Trấn Vũ của Dương Khuê là tiếng chuông thức tỉnh mọi người. Chúng ta thử nghĩ đến âm thanh vang động của câu thơ: hai địa danh Huế chỉ cách nhau một con sông đối diện nhau với nhiều cảnh sơn thủy hữu tình đầy tre trúc hai bên bờ sông hấp dẫn các thi nhân với tiếng chuông chùa và cả tiếng gà gáy. Trong khi đó, về mặt địa dư, hai hồ Hà nội (Hồ Gươm và Hồ Tây) nằm trên cánh đồng bằng phẳng thị tứ, cách nhau đến 3-4 cây số đường chim bay với nhiều xóm phường, nhiều hàng liễu rủ cây đa tiếng chuông và gà gáy có thể ngân vọng lan tỏa hợp điệu xa như thế sao?

Do vậy trước tiên ta hiểu hai câu ca dao này **phải được xuất phát từ Huế** với nhiều văn nhân thi sĩ kỳ tài từ **thời tiền Nguyễn**, thế kỷ 18 bấy giờ dạo chơi sơn thủy khúc thượng lưu sông Hương trong những cuộc du thuyền hưởng thú trăng thanh gió mát đàn ca xướng hát để ứng khẩu và lan truyền trong dân chúng Huế:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Khương*

Đến thời vua **Gia Long** thì Thọ Khương biến thành *Thọ Xương* thấm nhuần vào lòng dân Huế vì sợ **tội phạm húy**:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*

ngay cả từ thời ông Nghè Văn Đình đang theo nghiệp bút nghiên tại Huế cho đến tận bây giờ. Dù trên phương diện địa chính hai danh từ Thiên Mục và Thọ Xương đã bị thay đổi bởi thủ tục hành chánh nhưng dân ca vẫn còn lưu truyền mãi.

Trở lại Bắc sau nhiều năm sống tại Huế cận kề nhà thơ Tùng Thiện Vương cùng chia sẻ nhiều nỗi đau chung và ưu tư ray rứt về những biến động của đất nước để ra làm quan Nam triều trong tình thế nhiễu nhương càng ngày càng có tin xấu, **Dương Khuê đã mượn câu thứ hai mà tâm sự vào khoảng thập niên 1870** trong *Hà nội tức cảnh* với những địa danh của Hà nội:

*Phát phơ ngọn trúc trắng tà,  
Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương.*

Tại sao ông Khuê không dùng “canh gà” Thụy Khê hay Nhật Tân hay Kim Liên với “tiếng chuông” Trấn Vũ hay Trấn Quốc để tả phong cảnh Hồ Tây đầy đủ âm điệu của tiếng chuông cùng tiếng gà gáy thì thích hợp biết bao? Cũng vậy tại sao Ông không dùng địa danh chùa Báo Thiên hay đền Ngọc Sơn, canh gà Thọ Xương để chỉ vùng Hồ Gươm, nội thành Hà Nội bấy giờ (chùa Báo Thiên cũng có tháp chuông cao vào thời này vậy) cũng để nghe được tiếng chuông và tiếng gà gáy vùng hồ Hoàn Kiếm? Đó là ẩn ý có mục đích của Ông khi hai vùng Hồ Tây và Hồ Gươm cách xa nhau, tiếng gà làm sao phối hợp được cùng tiếng chuông để người hậu thế phải suy đoán tâm sự của Ông về dân Hà thành và vua quan Huế.

## Các dị bản

Học giả **Phạm Quỳnh (1892 – 1945)** có lẽ là người đầu tiên đưa câu ca dao xứ Huế lên tạp chí **Nam Phong** xuất bản tại Hà nội trong bài ký sự *10-4-1918 "Mười ngày ở Huế"*. Ông không sửa đổi và không cố ý "biên tập" thơ tiền nhân họ Dương khi giai thích hai câu ca dao xứ Huế như sau: *“Cả cái hồn thơ của xứ Huế như chan chứa trong hai câu ca ấy. Chùa Thiên Mụ là một chốn danh lam, có cái tháp bảy tầng, ở ngay trên bờ sông Hương, làng Thọ Xương thì ở bờ bên kia. Đêm khuya nghe tiếng chuông chùa với tiếng gà gáy xa đưa văng vẳng ở giữa khoảng gò nước long lanh mà cảm đặt thành câu ca cho con trẻ hát, ấy mới rõ cái tinh tình của người xứ Huế”*.

Những ngày ngao du trên sông Hương ông Quỳnh đã diễn tả một tiếng hát trên sông Hương: *“Thế rồi, bỗng nhiên có một giọng cất lên giữa cái im lặng vừa mới bị cuộc nói chuyện của chúng tôi làm vẩn đục. Đó là tiếng hát của cô lái đò trẻ. Có lẽ cảnh vật đẹp đã làm cô xúc động mà cô không biết, nên cô đã hát lên một khúc hát dân gian, quá du dương, quá dịu dàng đến nỗi nó như tiếng nói của thiên nhiên đã tự bật ra tự cái im lặng của không gian. Cô gái hát theo nhịp điệu của những điệu “hò mái nhì”. Nó dựa vào cách kéo dài giọng sao cho khúc hát theo được nhịp chuyển động của mái chèo. Cô lái đò hát rằng:*

*“Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương”*

*Khi nghe khúc hát này, quá mộc mạc và đồng thời quá gợi cảm, đến nỗi ta như thực sự cảm nhận được tiếng vọng xa xa của tiếng chuông và tiếng gà gáy. Đó là những tiếng động duy nhất phù hợp với một cảnh vật như thế này, thực vậy, cảnh vật này đang thiếu vắng chúng, trong một phút giây, chúng tôi đã có cảm giác về một chất thơ đích thực. Chừng nào mà chúng tôi còn nghiêm khắc khi xét đoán những câu thơ bác học và phức tạp của các thi sĩ cổ và hiện đại, thì chừng ấy chúng tôi còn đồng ý với nhau để công nhận khúc hát quá mộc mạc này là sự sáng tạo tự nhiên của tâm hồn đại chúng. Cái giọng điệu sâu sắc và không thể xác định nổi này đã bộc lộ ra cái vốn thi ca của dân tộc ta”* (trích từ Tiêu luận 1922-1932 -Phạm Quỳnh-NXB Tri Thức, 2007).

Có người lại ép cho Phạm Quỳnh là tác giả câu hò này nhưng Ông Quỳnh chỉ là một nhà báo, nhà văn, học giả, tác giả nhiều bài khảo cứu, dịch giả nhiều bài viết và sách văn học, triết học và tùy bút. Câu lục bát của xứ Huế do Phạm Quỳnh đưa lên mặt báo Nam Phong vào năm 1918 chẳng mấy chốc đã hòa vào "kho tàng văn học dân gian" đương thời khi hai câu đầu của *Hà Nội tức cảnh* được thay thế để hợp âm điệu câu hò của ca dao và dân ca. **Từ từ câu lục bát đầy âm điệu của Dương Khuê với niêm luật chặt chẽ ẩn ý khúc mắc đã biến thành ca dao câu hò nhẹ nhàng không gò bó với niêm luật lỏng lẻo phóng khoáng mô tả phong cảnh Hà nội:**

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương.*

Mức độ phổ biến trở nên sâu rộng, một phần nhờ thiên hạ đua nhau tranh luận quanh một địa danh. Sách *Ca dao xứ Huế* bình giải do Ứng Luận soạn thảo (tập I, Sở Văn hóa - Thông tin Thừa Thiên - Huế, 1991) phản ánh: "**Không ngờ hai câu này đã gây nên nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi, vì chùa Thiên Mụ ở Huế mà huyện Thọ Xương ở Hà Nội**". Điều đáng chú ý là tất cả mọi trích dẫn trên đều thống nhất ở một điểm là "*Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương*" đi theo sau câu "*Phát phơ ngọn trúc trắng tà*" có tác giả là Dương Khuê.

Do không sành địa danh cho nên nhà sưu tập Trần Trung Viên đã phiên âm và ghi chép theo ngôn ngữ của phiên bản từ chữ Nôm thành chữ quốc ngữ đầu thế kỷ 20. Đó là mấy chi tiết mà bộ tuyển tập "*Văn Đàn Bảo Giám*", Tập 3, tr.159, do nhà xuất bản Saigon "Yiễm Yiễm Thư Quán" của nhà thơ Đông Hồ đã thông qua nhẹ nhàng, chỉ vì tin vào nhà sưu tập Trần Trung Viên và tác giả Hư Chu nhận hiệu đính mà không sâu sắc quan tâm. Vì vậy nên phát sinh ra "dị bản" của bài tứ tuyệt của Dương Khuê, và đã trở thành ca dao thịnh hành và phổ biến ở đất Hà Thành.

Trong cuối thập kỷ 50 đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20, nhà giáo Nguyễn Duy Diễm, tác giả sách luận đề về Dương Khuê đã công bố một phiên bản (từ chữ Nôm sang quốc ngữ) có vài tiểu tiết khác với bản của Trần Trung Viên sưu tập: "*Gió đưa cành trúc la đà*". Theo nhà giáo Nguyễn Duy Diễm cho biết ông Dương Thiệu Cương, anh ruột nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và Tiên sĩ Dương Thiệu Tông, hiệu đính nguyên tác của ông nội mình 2 chi tiết mà không ngại phạm tội "bất kính" chỉ vì thơ đã biến thành ca dao.

Trong khi đó sách báo tại Hà Nội vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 đều nhất loạt **theo chủ trương** đổi "*Phát phơ ngọn trúc trắng tà. Tiếng chuông Trấn võ, canh gà Thọ Xương*" thành "*Gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương*". Nhà văn Vũ Ngọc Phan thận trọng hơn, khi phải viết "*Gió đưa cành trúc là đà, Tiếng chuông Trấn Võ...*" thì phải theo thời để được yên thân, nhưng cũng không quên chú thích rằng có bản chép là "*Phát phơ ngọn trúc trắng tà*" để cho lương tâm khỏi bị cắn rứt.

Năm 1987, sau thời gian dài tổ chức sưu tầm điền dã, khoa Ngữ văn Đại học Sư phạm Huế đã tuyển chọn và ấn hành cuốn *Văn học dân gian Bình Trị Thiên*. Bài ca đang xét được ghi nhận đầy đủ như sau:

*Gió đưa cành trúc la đà,  
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Cương.  
Thuyền về xuôi mái dòng Hương,  
Biết đâu tâm sự đôi đường đặng cay?*

Nhưng dân gian vùng Huế mấy khi nói hoặc hát hò *Biết đâu*. Ghi cho đúng phương ngữ, phải *Biết mô*, mới y si Huế rất. Câu thứ tư lắm khi còn nghe như đây lý tình địa phương hơn:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương  
Thuyền về xuôi mái sông Hương  
Có nghe tâm sự đôi đường đặng cay.*

Mới đây, 10-2009 giáo sư Vũ Quốc Thúc, cũng đã lên tiếng trên Internet để góp ý về cuộc tranh luận văn học này. Giáo sư kể rằng khi còn học ở trường Thành Chung Nam Định vào năm 1934-1937 giáo sư đã từng được nghe bài **ca dao miền Bắc** tả phong cảnh Hà thành:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương  
Mịt mù khói tỏa ngàn sương*

*Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Theo GS Thúc: “*Rõ ràng đó là một bài thơ tả cảnh, rất hiện thực. Tuyệt nhiên không phải là thơ tả tình vì không có một câu nào, một từ nào, nói lên tình cảm của chủ thể. Điều bất ngờ là do các biến chuyển của thời cuộc, bài thơ dần dần trở thành thơ tả tình, hơn thế nữa: đã được dùng như một thông điệp để biểu lộ một thái độ chính trị: Các cụ đã ngâm nga bài này để nói lên tâm trạng hoài cổ của mình và gián tiếp bày tỏ nguyện vọng cần vương phục quốc trong thời gian bị Pháp chiếm làm thuộc địa, .....để rồi trở thành đề tài chế giễu cho những kẻ cộng tác với chính quyền thuộc địa.....Trong hiện tại nhắc câu thơ để nói lên nỗi lòng tương nhớ quê hương của mình mà tránh hiểm họa vong bản cho thế hệ con cháu”.*

Nguyên bài thơ *Hà Nội tức cảnh* của Dương Khuê chất chứa nghĩa ẩn dụ của một nho sĩ yêu nước như Dương Thiệu Tống phân tích. Song, trong thực tế, bài thơ đã được quần chúng bình thần thuần lý thay đổi với dị bản mà đón nhận như là một tác phẩm văn nghệ dân gian. Ấy là bài ca dao vận dụng thuần túy thể "phú", bút pháp hoàn toàn tả cảnh theo phong cách hội họa thủy mặc tinh tế. Dĩ nhiên, đằng sau cảnh luôn thấp thoáng tình. Còn bài ca dao Phú Xuân-Thuận Hóa-Huế trong thể lục bát biến thể kết hợp "phú" với "hứng", tả cảnh đồng thời bày tỏ tình rõ nét, thực chất mượn cảnh vật cốt gửi gắm nỗi niềm riêng chung (tình trai gái, hay lòng hoài Lê hay tiếc thương vua Quang Trung lúc bấy giờ). Mỗi bài ca dao tự thân đã là một tác phẩm hoàn chỉnh, lấp lánh vẻ đẹp riêng, dù khởi phát cùng bản gốc. Mỗi bài một vẻ, mười phân vẹn mười, khó bề lẫn lộn. Như vậy **rõ ràng câu hò ca dao xứ Huế vẫn là của Huế và phát xuất từ Huế cho dù ai đó có mượn để tả cảnh, tả tình hay tâm sự thì cũng không thay đổi được nguồn gốc.** Nhưng của Cesar phải trả lại cho Cesar.

Ngoài những bài ca dao ở trên, cũng có một số bài thơ khác có âm hưởng "cảnh trúc la đà" như của tổ **Từ Vân** dòng Thiền Tông, người Bình Định có công lớn truyền bá Phật Pháp tại Tây Nam Nam Việt:

*Gió đưa cành trúc la đà  
Gió qua, trúc giữ gió mà làm chi.  
Trên đầm chiếc nhạn bay đi,  
Đầm lưu bóng nhạn làm chi cho phiền.*

Hay là ca dao miền Nam :

*Gió đưa ngọn trúc la đà,  
Lời ru mẹ hát nhớ hoài trong tâm.  
Tập con từ thuở lọt lòng,  
Thanh cao, đơn giản như là cây tre.*

Như khi vào Saigon câu ca dao được biến thể với chùa Xá Lợi được xây năm 1958 và đại hồng chung đúc năm 1961:

*Gió đưa tàu chuối la đà  
Tiếng chuông Xá Lợi, canh gà Thủ Thiêm.*



**Gà trống điếm canh**

"**Canh gà**" này là ý nói tiếng gà gáy nhắc về thời gian tức là điếm canh vì con gà là một đồng hồ sống hay đồng hồ sinh học. Thân con gà trông nhỏ mà tiếng gà gáy lại lớn. Không giống những con vật biết gáy khác, tiếng gáy

của con gà trống trong ngày có thể được xem như là tiếng đồng hồ báo giờ, chia thành ba **thời**: sáng, trưa và xế chiều. Tiếng gáy của ba thời này cũng có những âm hưởng khác nhau. Buổi sáng tiếng gáy thường kéo dài hồi hả như báo hiệu ngày mới bắt đầu, buổi trưa thì xa xôi, quạnh vắng và buổi chiều thì đoan khúc gầy cho người nghe cảm giác nao lòng. Tiếng gà gáy của gà trống sau khi đập mái luôn luôn phủ phê hùng dũng khác xa với tiếng gáy đêm canh với điệu bộ vỗ cánh đây về chiến thắng. Tiếng gáy sau khi “đá thắng” con trống khác mang một điệu khúc trầm, mạnh và vui mừng cùng kiêu hãnh.

Gần đây Tiên sĩ Võ Quang Yên, Paris kể năm 2003 vợ chồng anh về thăm Huế, khi đến thăm chùa Thiên Mụ vẫn còn "té ngựa" khi nghe hướng dẫn viên du lịch dịch *canh gà Thọ Xương* thì cái *canh gà* này vẫn "Chicken soup!". Đúc Di Lạc dịch là "Ông Thần Tài"! Còn nữa: "Cửu đình trong Đại Nội là để... thấp hương"! Nghe thật buồn cười. Chuyện đã xưa lắm tưởng đùa mà vẫn còn có thật. Ngay cả google translate service cũng vậy.

Hồi xưa, cách nay không lâu lắm, ông bà mình đâu có xài đồng hồ dây cốt hay đồng hồ điện tử như bây giờ, cái đồng hồ mà ông bà xài chính là con gà trống. Lúc đó, một ngày có 24 tiếng đồng hồ như ngày nay được người xưa chia thành 12 giờ tương ứng với 12 con giáp: giờ Tí (tương đương khoảng từ 23g đêm hôm trước đến 1g sáng hôm sau), giờ Sửu (tương đương từ 1g đến 3g), giờ Dần (từ 3g đến 5g), giờ Mão (5g – 7g), giờ Thìn (7g – 9g), giờ Tỵ (9g – 11g), giờ Ngọ (11g – 13g), giờ Mùi (13g – 15g), giờ Thân (15g – 17g), giờ Dậu (17g – 19g), giờ Tuất (19g – 21g), giờ Hợi (21g – 23g).

Mỗi đêm có 5 canh: giờ Tuất, giờ Hợi, giờ Tí, giờ Sửu, giờ Dần. Ban đêm cần phải có tuần tra canh gác để bảo vệ cộng đồng làng xã nên các quan gọi giờ Tuất là canh một, giờ Hợi là canh hai, giờ Tí là canh ba, giờ Sửu là canh tư, giờ Dần là canh năm, đầu mỗi canh sẽ có người gõ mõ hoặc gõ trống để điểm canh. Trong tiếng Việt ngày nay, chúng ta còn nghe những thành ngữ như: “*giờ Tí canh ba*” nghĩa là khoảng nửa đêm về sáng.

Thông thường, buổi sáng bắt đầu từ giờ Dần (từ 3 giờ đến 5 giờ sáng) những chú gà bắt đầu gáy, khi đã có một tiếng gáy cất lên phá vỡ bầu không gian im lặng thì sau chốc lát sẽ có những tiếng gáy nối đuôi liên hồi của những chú gà hàng xóm. “*Gà gáy canh năm*” hay “*gà gáy sáng*” là lúc mọi người lục tục thức dậy thổi bếp lửa nấu cơm nước chuẩn bị cho một ngày làm việc. Tiếng gà gáy sáng từ dạo khúc chậm rãi, thưa thớt ban đầu rồi cất lên dồn dập đem lại cảm giác về sự hào sảng. Những con gà bước ra khỏi cái chuồng tù túng để được dang chân, vỗ cánh, vươn cao cổ gáy một hồi cho hả hê, nhẹ nhõm. Chúng đua nhau thi thố, “*túc nhau tiếng gáy*” chính là lúc này đây. Gà nhà này gáy, gà nhà kia gáy, gà xóm gần gáy, gà xóm xa gáy. Dường như con nào cũng muốn khoe “*trường cổ đại thanh*”, phô giọng điệu của riêng mình.

Buổi trưa gà thường gáy vào giờ Ngọ (từ 11 giờ đến 13 giờ). Tiếng gà trưa được biểu tượng hình ảnh quê hương yên tĩnh thanh bình. Buổi chiều những chú gà thường gáy vào giờ Dậu (từ 17 giờ đến 19 giờ). Ở nông thôn, những người thao thức còn nghe tiếng gà sang canh với bao tâm trạng. “*Gà gáy nước lên*” lúc nửa đêm về sáng báo hiệu dòng sông chuyển mình. Có người sống lâu năm bảo rằng, ở Huế tiếng gà gáy mỗi mùa khác nhau: Mùa xuân, gà gáy vui. Mùa thu, tiếng gáy xao xác buồn. Mùa Đông có âm hưởng xa vời quỵện trong mưa. Mùa hạ, tiếng gà nghe trong trẻo, ngân xa.

Ngày xưa người nông dân thường theo dõi thời gian theo 2 mốc: tiếng chuông chùa công phu sáng chiều theo canh giờ nhất định và tiếng gà gáy vào lúc bình minh hay buổi trưa. Phải chăng tiếng chuông và tiếng gà gáy đã có sự liên hệ khăng khít khiến trong dân gian đã lưu truyền những câu ca dao trữ tình như vậy? Tiếng chuông chùa canh ba thức tỉnh những vị tu sĩ dậy công phu, tiếng gà gáy canh ba đánh thức những người nông dân dậy chuẩn bị công việc đồng áng. Tiếng gà báo sáng vừa dứt, mẹ đã rón rén xuống giường bắt đầu một ngày mới vì hạnh phúc của đàn trẻ dại. Với mẹ, tiếng gà chưa kịp gáy canh khuya, chưa kịp gọi mặt trời buổi sáng: tiếng gà gắn liền với dáng tảo tần của mẹ. Ở, đâu đâu trong tiếng gà là bao cuộc đời hạ bạc, chỉ biết bốn mùa qua đời bàn tay.

Tiếng chuông u minh vào giờ chạng vạng chiều và tiếng gà gáy buổi xế chiều nghe sao mà xa xăm như nghìn trùng. Tiếng chuông và tiếng gà gáy hoà phối nhịp nhàng, khoan thai, quỵện vào nhau như âm dương rồi lan toả

theo tiết nhịp du dương của gió nghe sao mà mơ hồ như có như không, như mộng như thật, nghe rất gần gũi mà lại quá xa xôi. Có lẽ trong mỗi người Việt đã ẩn tàng những âm hưởng của tiếng gà gáy, tiếng chuông chùa tận trong sâu thẳm cõi lòng. Tiếng gà gáy không những tác động đến tâm thức người Việt nhất là âm nhạc và thi ca: Trịnh Công Sơn, Chế Lan Viên, Huy Cận,..mà còn đi vào trong phúc âm Thiên Chúa giáo với lời Chúa nói với tông đồ Phê rô, chuyện Tàu Mạnh lệ Quân hay võ học Thiếu Lâm tự “*Kim Kê Quyển*” .

Ngoài ra trong lịch sử nước nhà, tiếng gà gáy còn biểu tượng sự tỉnh thức của hồn dân tộc và ý thức xã hội. Đời Trần có nàng Bích Châu dâng vua Trần Dụ Tông (1373-1377) bài phú “*Kê minh thập sách*” nêu ra 10 điều hay để vua thi hành. Đời Lê có Nguyễn thiện Trường có “*Kê minh phú*” hô hào các trí giả phò vua Lê Thái Tổ. Nhưng thiết thực nhất về kích động lòng yêu nước đấu tranh của người dân hay gợi niềm tâm sự qua tiếng gà gáy, Cụ Sào Nam Phan bội Châu hay Ông Già Bến Ngự trong một bài thất ngôn bát cú:

### ***Gà gáy sáng***

*Mưa sấm âm thầm giữa buổi khuya,  
Chốc vang tiếng trống tẻ te te.  
Tác lên vừa lúc năm canh rạng,  
Kêu lớn cho người bốn bể nghe.  
Vỗ cánh ba hồi khua chúng dậy,  
Chẻ then muốn cửa rước xuân về.  
Nhẽ nào cam được non sông ấy?  
Một gáy vừng đông bỗng lập lòe.*

Hay qua *Bài ca chúc Tết thanh niên*, cụ Phan Bội Châu đã trực tiếp kêu gọi mọi người hành động vì vận nước bằng tiếng gà gáy giục giã, thôi thúc, khuyến khích cùng nhau thức tỉnh mà lo việc nước:

***Dậy ! Dậy ! Dậy !***

***Bên án một tiếng gà vừa gáy.***

BS TTSUM  
Tết Canh Dần 2010- California

### **Lời cảm tạ:**

Tác giả chân thành cảm ơn Bs Lê bá Vận,  
một vị Thầy khả kính về sự đóng góp  
nhiều ý kiến bổ ích cho bài viết.

## Lời bàn của nhà sử học Võ văn Dật/Võ hương An.

Kính anh Sum,

Mặc dầu chưa được quen anh nhưng biết tiếng anh thì lâu rồi, nhất là về những công tác y khoa từ thiện mà anh thường đem lại cho đồng bào nghèo ở Việt Nam. Xin cảm ơn anh đã có lòng ưu ái cho tôi được góp đôi ý thô thiển về bài viết *Tiếng chuông Thiên Mục hay Tiếng chuông Trấn Vũ* mà anh vừa hoàn tất.

Phải thật tình mà nói, sau khi đọc một hơi bài viết 17 trang của anh, cái cảm nghĩ đầu tiên của tôi là "ông Bác sĩ này ghê thiệt, bài viết nặng cả lượng lẫn phẩm."

Đề tài này không mới, đã được lật đi lật lại nhiều lần bởi nhiều người nhưng hầu như chưa ai giải quyết rõ ràng chuyện xuất xứ của nó chỉ vì họ không chịu phăng cho đến cội nguồn mà thường viết theo cảm tính. Với bài viết *Tiếng chuông Thiên Mục hay Tiếng chuông Trấn Vũ*, quả thật Bác sĩ Sum đã tổng hợp một cách đầy đủ mọi dữ liệu cần thiết để minh chứng về xuất xứ của câu ca dao và bước phiêu lưu biến thái của nó trong lòng người qua mọi miền đất nước theo cảm xúc của thời đại. Đó là chưa kể tác giả đã có công giải thích cặn kẽ những thành phần cấu thành câu hát cả về mặt địa-sử (Thiên Mục, Thọ Xương, An Thái, Tây Hồ) cũng như ngôn ngữ (nhịp chày, canh gà), là những cái vốn từng bị người đời sau hiểu không tới nơi hoặc hiểu lầm, từ đó sinh ra những ngộ nhận.

Nói chung, tôi hoàn toàn tán đồng lập luận và chứng cứ của bài viết.

Ca dao và tục ngữ là hai thành phần chính của nền văn chương bình dân, trong đó, các câu ca dao thường được xây dựng bằng *thể hứng*, nhập đề theo lối *nói quanh* (lung khởi), nghĩa là mượn ý, mượn lời, mượn hình ảnh của ai đó, ở đâu đó, làm như khúc nhạc dạo đầu, rồi sau mới đi vào ý chính. Chẳng hạn, để tố ý tiếc về việc người yêu đi lấy chồng theo lệnh mẹ cha, người ta đã lang bang:

*Trèo lên cây bời hái hoa,  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.  
Nụ tầm xuân nở ra cánh biếc,  
Em lấy chồng rồi, anh tiếc lắm thay.*

Cụ Dương Khuê đã có một thời gian dài sống ở Huế. Nào cụ có lạ gì câu hát về chùa Thiên Mục và việc cụ mượn ý để dạo đầu bài thơ trước khi nói lên tâm sự của mình, là điều rất có khả năng xảy ra, và nếu có xảy ra thì cũng không có chi lạ. Việc chi mà Huế phải nhập câu hát từ ngoài Bắc vô Kinh?

Có những thơ văn do các nhà nho sáng tác có sức phổ biến sâu rộng trong quần chúng, riết rồi qua không gian và thời gian người ta không còn quan tâm tới tác giả là ai. Thế là nó nghiêm nhiên trở thành ca dao. Và khi nó đã hóa thân thành ca dao thì ai mượn ý mượn lời lại chả được, thậm chí sửa lời, cũng là chuyện thường có. Như ở Huế mình, chuyện xảy ra hồi đầu thế kỷ XX mà chỉ vài chục năm sau đã trở thành huyền thoại. Ấy là câu hò mái nhì *Chiều chiều trước bến Văn Lâu*. Tác giả câu hò này là cụ Ứng Bình Thúc Gia Thị. Sức phổ biến của câu hò này sâu rộng cho tới nỗi nó trở thành ca dao lúc nào không hay và nó cũng tạo nên một lực đẩy làm lệch sự hiểu biết của người sau về sự kiện lịch sử. Ấy là làm cho người ta hiểu lầm rằng vua Duy Tân đã gặp hai nhà cách mạng Trần Cao Vân và Thái Phiên tại bến Phu Văn Lâu rồi lên đĩnh trên sông Hương để bàn việc nước; hoặc tin rằng vua đã xuống thuyền tại bến Phu Văn Lâu để ra đi lãnh đạo cuộc binh biến lật đổ người Pháp! Sự thật, bến Phu Văn Lâu chẳng dính gì tới vụ chống Tây của vua Duy Tân cả. Nó chỉ là cái cớ để cụ Thúc Gia nhớ người xưa. Điều này đã khiến tôi phải tìm cách đính chính lại trong bài viết *Huyền thoại bến Văn Lâu* (<http://www.khoahoc.net/baivo/vohuongan/280208-huyenthaoibenvanlau.htm>).



Chính vì có sự đồng cảm đó với anh nên tôi nghĩ rằng khi viết *Tiếng chuông Thiên Mục hay Tiếng chuông Trấn Vũ*, hẳn anh không làm cái việc "Huế bình Huế" mà chỉ muốn đi tìm sự thật và chỉ ra sự thật cho mọi người cùng chia sẻ. Theo tôi nghĩ, anh đã đạt mục đích.

Được anh cho góp ý, xin gửi vài dòng thô thiển.

Kính thư,

Võ Văn Dật/Võ Hương-An  
San Jose, 20/12/2009

### **Tham Khảo:** (hầu hết trên mạng internet)

- 1/ Hồi chuông Thiên Mục.  
Thái văn Kiêm. Làng Văn 1997. Việt nam gấm hoa.
- 2/ Bùi ngọc Long.  
Chuông chùa Thiên Mục
- 3/ Võ Văn Tường và Huỳnh Như Phương  
Chùa Thiên Mục (Linh Mục Tự)
- 4/ Dương Khuê và sự phiêu lưu của cái đọc  
Đồ lai Thúy
- 5/ Một Câu Thơ Gây Nhiều Tranh cãi  
Phương Vũ Võ Tam-Anh <http://www.vietbao.com/print.asp?nid=152201>
- 6/ Chùa Thiên Mục (Linh Mục)**  
**Hoàng Thạch**
- 7/Về địa danh Thọ Xương và Thọ Khương  
**Hồ Xuân Thiên**
- 8/ Gió đưa cành trúc la đà  
Vũ quốc Thúc <http://www.nguoi-viet.com/absolutenm/anmviewer.asp?a=104598>
- 9/ Tiếng chuông Thiên Mục  
Trần Công Tấn
- 10/ Nguồn gốc câu ca dao: “Gió đưa cành trúc la đà”  
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương”  
Lê Quang Thái <http://www.lieuquanhue.com.vn/index.php/feed/60/3159.txt>
- 11/ Gà gáy trong thơ  
Võ Phiến
- 12/ Tiếng gà gáy quận Cam  
BS Huỳnh Hữu Cửu
- 13/ Gà gáy điểm canh  
Mai Quang Huy
- 14/ Tiếng gà gáy trong tâm thức Người Việt  
Lê huỳnh Lâm
- 15/ Tiếng gà gáy  
Anh Kim. Diễn đàn Mau Tâm
- 16/ Canh gà Thọ Cương  
Hoàng Bình Thi
- 17/ Tiếng chuông Thiên Mục  
Hoàng Thi

**HẾT**